

Số:1502/BC-BYT

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2021

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19  
(Từ 17h00 ngày 28/9/2021 đến 17h00 ngày 29/9/2021)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 (từ 17h00 ngày 28/9/2021 đến 17h00 ngày 29/9/2021) như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Ghi nhận tổng số hơn 233,6 triệu ca, trong đó trên 4,78 triệu ca tử vong. Tại Nhật Bản, tình trạng khẩn cấp áp dụng ở 19 khu vực bao gồm vùng đô thị Tokyo, các trung tâm kinh tế Osaka và Aichi, điểm nóng du lịch Kyoto và Okina, sẽ kết thúc vào cuối tháng 9 do tình hình Covid-19 tại Nhật đang cải thiện. Ngoài ra, Lào đang tăng cường các biện pháp phòng chống dịch do lo ngại nguy cơ bùng phát đợt dịch COVID-19 mới trong cộng đồng, cơ quan y tế Lào đã lập thêm bệnh viện dã chiến tại thủ đô Viêng Chăn để ứng phó với trường hợp lây nhiễm phức tạp hơn, đồng thời mua thêm 50 xe cứu thương để phân bổ cho 11 tỉnh trên cả nước nhằm cải thiện công tác vận chuyển bệnh nhân COVID-19.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Ghi nhận tổng số 782.815 ca mắc, trong đó 779.841 ca ghi nhận trong nước. Đến nay đã có 583.509 người khỏi bệnh và 19.098 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 779.963 ca, trong đó có 778.271 ca trong nước (99,8%), 580.692 người đã khỏi bệnh (74%), 19.063 tử vong (tại 43 tỉnh, thành phố). Đợt dịch thứ 4 có 62/63 tỉnh ghi nhận trường hợp mắc (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 8.758 ca mắc mới, trong đó 8.744 ca ghi nhận trong nước (tăng 744 ca so với ngày trước đó) tại 33 tỉnh thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: TP. Hồ Chí Minh (4.699), Bình Dương (2.389), Đồng Nai (899), Long An (132), Sóc Trăng (112), Kiên Giang (82), Tiền Giang (68), An Giang (63), Cần Thơ (42), Hà Nam (36), Khánh Hòa (32), Bình Thuận (29), Tây Ninh (23), Bạc Liêu (22), Quảng Trị (16), Đắk Lắk (15), Ninh Thuận (14), Quảng Bình (13), Cà Mau (12), Bình Định (11), Vĩnh Long (7), Gia Lai (5), Hà Nội (4), Đắk Nông (3), Bến Tre (3), Trà Vinh (3), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Phú Yên (2), Quảng Ngãi (2), Phú Thọ (1), Đồng Tháp (1), Đà Nẵng (1), Hải Dương (1).

+ Có 14 ca nhập cảnh ghi nhận tại Nam Định (8), Quảng Nam (3), Quảng Trị (2), Tây Ninh (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Bình Dương (giảm 186 ca), An Giang (giảm 169 ca).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: TP. Hồ Chí Minh (tăng 905 ca), Đồng Nai (tăng 112 ca), Sóc Trăng (tăng 112 ca).

- Có 13/62 tỉnh<sup>1</sup> đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước và 7/62 tỉnh<sup>2</sup> không có lây nhiễm thứ phát trên địa bàn trong 14 ngày qua.

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 4.984 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 57% tổng số mắc trong ngày), tăng 850 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 4.699 ca thông qua sàng lọc (tăng 905 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 384.287 ca.

+ Tỉnh Bình Dương: Trong ngày ghi nhận 165 ca cộng đồng (giảm 28 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 208.953 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 3 ca cộng đồng (giảm 1 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 5.492 ca.

+ Tỉnh Hà Nam: Trong ngày ghi nhận 36 ca, trong đó có 2 ca cộng đồng (tăng 2 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 337 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Ninh Thuận tăng 11 ca, Bến Tre tăng 10 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Hồ Chí Minh (giảm 7.935 ca), An Giang (giảm 261 ca), Bình Dương (giảm 234 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

Giai đoạn 4 đến nay, có 580.692 người đã khỏi bệnh (74%), tăng 23.568 trường hợp so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 180.208 trường hợp, trong đó có 6.988 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.845; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 206; (3) Thở máy không xâm lấn: 963; (4) Thở máy xâm lấn: 883; (5) EMO: 25.

Trong ngày ghi nhận 162 trường hợp tử vong (giảm 16 trường hợp tử vong so với ngày hôm trước) tại 11 địa phương, gồm: TP. Hồ Chí Minh (113), Bình Dương (33), Đồng Nai (3), An Giang (3), Kiên Giang (2), Long An (2), Đồng Tháp (2), Cần Thơ (1), Cà Mau (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Tiền Giang (1).

## **4. Kết quả đánh giá nguy cơ tại một số địa phương:**

4.1. TP. Hồ Chí Minh: Thành phố không có thay đổi so với ngày 28/09/2021, cụ thể: Toàn thành phố có 24.567 tổ dân phố với 1.782.203 hộ dân, trong đó có 16.227 tổ dân phố (66%) đạt bình thường mới (vùng xanh-cận xanh), 3.333 tổ dân phố (14%) đạt mức nguy cơ (vùng vàng), 1.849 tổ dân phố (7%) đạt mức nguy cơ cao (vùng cam), 3158 tổ dân phố (13%) ở mức nguy cơ rất cao (vùng đỏ).

4.2. Bình Dương: Tỉnh không có sự thay đổi vùng nguy cơ so với ngày 28/09/2021, cụ thể:

- Đánh giá nguy cơ theo quận, huyện:

<sup>1</sup> Các tỉnh đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước: Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lai Châu, Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang, Thái Nguyên, Điện Biên, Hải Phòng, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Lạng Sơn.

<sup>2</sup> Các tỉnh không có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: Quảng Ninh, Lào Cai, Hà Tĩnh, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Phú Thọ, Bắc Ninh.

+ Bình thường mới (vùng xanh): có 7 đơn vị (Tân Uyên, Bến Cát, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Dầu Tiếng, Thủ Dầu 1)

+ Nguy cơ rất cao (vùng đỏ): có 01 đơn vị (Dĩ An)

+ Nguy cơ cao (vùng cam): có 01 đơn vị (Thuận An)

- Đánh giá nguy cơ theo xã/phường: Toàn tỉnh Bình Dương có 69 xã/phường bình thường mới và 06 xã/phường có nguy cơ, 13 xã/phường có nguy cơ cao, 3 xã/phường có nguy cơ rất cao.

4.3. Đồng Nai: Tỉnh không sự thay đổi vùng nguy cơ so với ngày 28/09/2021, cụ thể:

- Đánh giá theo quận, huyện

+ Bình thường mới (vùng xanh): có 05 đơn vị (các huyện Định Quán, Cẩm Mỹ, Tân Phú, Long Khánh, Xuân Lộc, Thống Nhất)

+ Nguy cơ (vùng vàng): không có

+ Nguy cơ cao (vùng cam): có 04 đơn vị (huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu).

+ Nguy cơ rất cao (vùng đỏ): có 01 đơn vị (TP Biên Hòa)

- Đánh giá theo xã/phường: Tỉnh Đồng Nai có 109 xã/phường bình thường mới, 24 xã/phường có nguy cơ, 23 xã/phường có nguy cơ cao và có 14 xã/phường có nguy cơ rất cao.

4.4. Long An: Tỉnh không có sự thay đổi vùng nguy cơ so với ngày 28/09/2021, cụ thể:

- Bình thường mới (vùng xanh): có 11 đơn vị (huyện Cần Đức, huyện Châu Thành, huyện Đức Huệ, huyện Mộc Hóa, huyện Tân Hưng, huyện Tân Thạnh, huyện Tân Trụ, huyện Thạnh Hóa, huyện Thủ Thừa, huyện Vĩnh Hưng, huyện Cần Giuộc).

- Nguy cơ (vùng vàng): có 4 đơn vị (huyện Bến Lức, huyện Đức Hòa, Thị xã Kiến Tường, TP Tân An).

- Nguy cơ cao (vùng cam): không có.

- Nguy cơ rất cao (vùng đỏ): không có.

#### **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Chỉ đạo các địa phương việc thực hiện thu và thanh toán chi phí xét nghiệm đối với từng đối tượng theo quy định của pháp luật về giá và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Lưu ý trường hợp thực hiện xét nghiệm gộp mẫu phải áp dụng mức giá gộp mẫu, không được áp mức giá xét nghiệm theo mẫu đơn để thu và thanh toán với người bệnh (công văn số 8157/BYT-KHTC ngày 28/9/2021 của Bộ Y tế).

- Chỉ đạo các địa phương xây dựng phương án, kế hoạch, chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực để triển khai tiêm vắc xin với số lượng lớn từ nay đến cuối năm 2021; Đẩy nhanh hơn nữa tiến độ tiêm chủng cho các đối tượng từ 18 tuổi trở lên (ưu tiên cho các đối tượng từ 50 tuổi trở lên) theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về mua và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 và Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 đảm bảo an toàn, hiệu quả theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; Tăng độ bao phủ mũi 1 và tiêm mũi 2 cho những đối tượng đã tiêm mũi 1 đủ thời gian theo quy định (công văn số 8150/BYT-DP ngày 28/9/2021 của Bộ Y tế).

- Tổ chức xuất cấp 122 máy thở chức năng cao do Bệnh viện Phổi Trung ương mua từ nguồn ngân sách nhà nước để phục vụ công tác phòng, chống dịch cho các đơn vị để điều trị bệnh nhân COVID-19.

- Tiếp tục chỉ đạo Ngành Y tế địa phương tiếp tục mở rộng điều tra dịch tễ, truy vết thân tộc, lập danh sách tất cả những người tiếp xúc gần và có liên quan với các bệnh nhân, thực hiện cách ly y tế kịp thời và đảm bảo không để lọt các trường hợp tiếp xúc gần. Lấy mẫu xét nghiệm diện rộng các trường hợp nguy cơ tiến hành xét nghiệm khẳng định và trả lời kết quả nhanh nhất để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời, phù hợp, hiệu quả.

#### **V. Công tác xét nghiệm:**

Tính đến ngày 28/9/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 24.070.860 mẫu cho 55.874.052 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 18.288.792 mẫu tương đương 52.347.113 lượt người, tăng 136.653 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 4.944.129 mẫu gộp cho 35.004.781 lượt người.

#### **VI. Công tác tiêm chủng:**

- Đến ngày 28/9, cả nước đã tiêm được 41.290.046 liều, tăng 1.078.604 liều so với ngày trước đó; đã có 23.284.354 người tiêm 1 liều vắc xin và 9.002.846 người tiêm đủ 2 liều vắc xin. Tỷ lệ tiêm ít nhất 01 liều vắc xin là 44,9% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 12,5%.

- 3/63 địa phương có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho trên 90% dân số từ 18 tuổi trở lên là: TP. HCM, Hà Nội, Long An.

- 2/63 địa phương có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho từ 80-90% dân số từ 18 tuổi trở lên là Khánh Hòa, Đà Nẵng.

- 3/63 địa phương có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho từ 70-80% dân số từ 18 tuổi trở lên là Đồng Nai, Bình Dương, Quảng Ninh.

- 2/63 địa phương có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho từ 50-70% dân số từ 18 tuổi trở lên là Bắc Ninh, Phú Yên.

- 7/63 địa phương có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho từ 30-50% dân số từ 18 tuổi trở lên là Hà Nam, Bắc Giang, Lạng Sơn, Yên Bái, Tiền Giang, Tây Ninh, Cần Thơ.

- 46/63 địa phương còn lại có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 mũi vắc xin cho từ 10-30% dân số từ 18 tuổi trở lên.

#### **VII. Công tác truy vết**

Tích lũy từ ngày 27/4/2021 đến ngày 29/9/2021, cả nước đã truy vết được 439.166 trường hợp F1 (tăng 2.112 trường hợp so với ngày trước đó), trong đó có 403.804 trường hợp đã được xét nghiệm.

#### **VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 2.**

#### **IX. Hoạt động của địa phương**

1. TP. Hồ Chí Minh: Trường THCS - THPT Thạnh An, huyện Cần Giờ là trường học đầu tiên của Thành phố lên phương án đón 131 học sinh các lớp 6, 9 và 12 học trực tiếp từ ngày 4/10. Số học sinh trở lại dự kiến ở 2 lớp 6, 2 lớp 9 và một lớp 12; thời khoá biểu được chia 50% học trực tiếp, còn lại học trực tuyến. Tất cả lớp còn lại vẫn học trực tuyến.

2. TP. Đà Nẵng: Ban hành Chỉ thị 08 về các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả Covid-19, thay thế cho Chỉ thị 05 cách ly xã hội "cao hơn Chỉ thị 16". Trong đó, từ 0h ngày 30/9, người dân được đi tắm biển vào buổi sáng; các khách sạn, chợ truyền thống, cơ sở tôn giáo, tiệm tóc... được hoạt động trở lại.

### **X. Dự báo tình hình dịch trong thời gian tới**

Trên cả nước, tình hình dịch cơ bản đang từng bước kiểm soát. Dự báo thời gian tới nếu chúng ta tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch như hiện nay thì dịch COVID-19 có thể được kiểm soát cơ bản trên diện rộng, tuy nhiên nước ta sẽ tiếp tục ghi nhận các ca mắc COVID-19 mới ở những người nhập cảnh về nước, xuất hiện các ổ dịch mới tại một số địa phương và xuất hiện thêm những ca mắc mới, ổ dịch ở các quy mô khác nhau, khó xác định được nguồn lây trong cộng đồng, trong cơ sở y tế.

### **XI. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

1. Các địa phương đang trong lộ trình nói lỏng việc thực hiện giãn cách cần xây dựng và triển khai theo lộ trình thực hiện việc nói lỏng, phục hồi sinh hoạt và hoạt động kinh tế xã hội thích ứng an toàn với dịch bệnh. Các địa phương tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội phải thực hiện nghiêm có mục tiêu rõ ràng, có kế hoạch, thời gian, phạm vi giãn cách, tận dụng thời gian giãn cách để kiểm soát dứt điểm dịch bệnh.

2. Các địa phương đang kiểm soát tốt dịch: cần tiếp tục thực hiện tốt các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia. Chuẩn bị 4 tại chỗ, sẵn sàng các tình huống xảy ra. Tăng cường giám sát các đối tượng nguy cơ, khu vực nguy cơ để phát hiện sớm, khoanh vùng dập dịch. Đảm bảo sản xuất kinh doanh phải an toàn.

3. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thận trọng xét nghiệm nhằm sớm kiểm soát dịch. Thực hiện việc tổ chức xét nghiệm theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Công điện số 1409/CĐ-BYT ngày 15/9/2021) đối với các địa bàn nguy cơ rất cao và nguy cơ cao. Chủ động xét nghiệm sàng lọc, phát hiện sớm người nhiễm trong cộng đồng để kịp thời triển khai cách ly, khoanh vùng, điều trị phù hợp đối với địa bàn nguy cơ và bình thường mới.

Tập trung nhân lực, xét nghiệm trang thiết bị, cho các vùng có nguy cơ cao theo hướng dẫn của Bộ Y tế; huy động các tỉnh lân cận để hỗ trợ việc xét nghiệm tại các địa phương đang có dịch.

4. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến dịch tiêm chủng vắc xin COVID-19 toàn quốc, trong đó lưu ý: ưu tiên tiêm trả mũi 2 cho các trường hợp đã tiêm mũi 1 và mở rộng cho các địa phương nhiều khu công nghiệp, đầu mối giao thương, các khu chế xuất, khu du lịch, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu, sản xuất tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu...

5. Các địa phương tổ chức điều trị hiệu quả, giảm tử vong xuống mức thấp nhất. Phân tầng điều trị theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Triển khai các Trạm Y tế lưu động tại xã, phường, thị trấn có nguy cơ cao, nguy cơ rất cao trên địa bàn theo nguyên tắc gần dân nhất. Chuẩn bị sẵn sàng về địa điểm, trang thiết bị, nhân lực đối với các xã, phường, thị trấn ở mức có nguy cơ và bình thường mới để kịp thời triển khai khi nâng mức nguy cơ.

### **XII. Kiến nghị, đề xuất**

1. Các địa phương xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện bình thường mới theo các địa bàn của địa phương, theo lộ trình phù hợp với tình hình dịch và các điều kiện đảm

bảo, song song với việc tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch, không để dịch bùng phát trở lại.

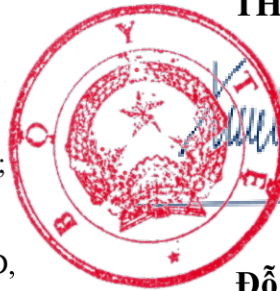
2. Các địa phương cần phải xác định mục tiêu cụ thể cần đạt được khi phải thực hiện giãn cách, không để tình trạng giãn cách không triệt để, kéo dài mà không đạt được mục tiêu, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân, gây bức xúc xã hội. Thường xuyên đánh giá mức độ nguy cơ các đơn vị trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quyết định 2686/QĐ-BCĐQG của Ban Chỉ đạo Quốc gia để áp dụng việc giãn cách xã hội phù hợp, hiệu quả.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TU, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

| TT   | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 28/9 | Số mắc ngày 29/9 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 29/9 | Số tử vong tích lũy đến 29/9 |
|--|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| <b>Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:</b>                |                    | <b>7.997</b>     | <b>8.743</b>     | <b>746</b>                       | <b>768.963</b>           | <b>19.025</b>                |
| 1  | Hồ Chí Minh        | 3.794            | 4.699            | 905                              | 384.287                  | 14.744                       |
| 2  | Bình Dương         | 2.575            | 2.389            | -186                             | 208.953                  | 1.943                        |
| 3  | Đồng Nai           | 787              | 899              | 112                              | 47.969                   | 449                          |
| 4  | Long An            | 159              | 132              | -27                              | 32.270                   | 402                          |
| 5  | Tiền Giang         | 38               | 68               | 30                               | 13.951                   | 338                          |
| 6  | Đồng Tháp          | 7                | 1                | -6                               | 8.233                    | 250                          |
| 7  | Khánh Hòa          | 35               | 32               | -3                               | 7.776                    | 90                           |
| 8  | Tây Ninh           | 55               | 23               | -32                              | 7.631                    | 125                          |
| 9  | Cần Thơ            | 52               | 42               | -10                              | 5.611                    | 92                           |
| 10   | Kiên Giang         | 70               | 82               | 12                               | 5.492                    | 55                           |
| 11   | Đà Nẵng            | 2                | 1                | -1                               | 4.914                    | 71                           |
| 12   | An Giang           | 232              | 63               | -169                             | 4.751                    | 56                           |
| 13   | BRVT               | 3                | 2                | -1                               | 4.130                    | 47                           |
| 14   | Hà Nội             | 6                | 4                | -2                               | 4.010                    | 51                           |
| 15   | Bình Thuận         | 48               | 29               | -19                              | 3.191                    | 57                           |
| 16   | Phú Yên            | 3                | 2                | -1                               | 3.035                    | 34                           |
| 17   | Vĩnh Long          | 8                | 7                | -1                               | 2.179                    | 43                           |
| 18   | Bến Tre            | 2                | 3                | 1                                | 1.892                    | 50                           |
| 19   | Nghệ An            |                  |                  |                                  | 1.821                    | 16                           |
| 20   | Đắc Lắc            | 14               | 15               | 1                                | 1.835                    | 7                            |
| 21   | Quảng Bình         | 15               | 13               | -2                               | 1.617                    | 2                            |
| 22   | Trà Vinh           | 7                | 3                | -4                               | 1.468                    | 17                           |
| 23   | Bình Phước         | 15               | 0                | -15                              | 1.358                    | 7                            |
| 24   | Bình Định          | 5                | 11               | 6                                | 1.265                    | 12                           |
| 25   | Quảng Ngãi         | 5                | 2                | -3                               | 1.177                    | 3                            |
| 26   | Sóc Trăng          | 0                | 112              | 112                              | 1.174                    | 21                           |
| 27   | Ninh Thuận         | 16               | 14               | -2                               | 939                      | 9                            |
| 28   | T.T.Huế            |                  |                  |                                  | 821                      | 11                           |
| 29   | Đắc Nông           | 5                | 3                | -2                               | 717                      | 1                            |
| 30   | Quảng Nam          | 2                |                  | -2                               | 619                      | 5                            |
| 31   | Gia Lai            | 0                | 5                | 5                                | 551                      | 2                            |
| 32   | Hậu Giang          | 11               | 0                | -11                              | 539                      | 2                            |
| 33   | Thanh Hóa          |                  |                  |                                  | 440                      | 4                            |
| 34   | Bạc Liêu           | 1                | 22               | 21                               | 402                      | 2                            |
| 35   | Cà Mau             | 10               | 12               | 2                                | 363                      | 5                            |
| 36   | Hà Nam             | 11               | 36               | 25                               | 337                      |                              |
| 37   | Hưng Yên           |                  |                  |                                  | 294                      | 1                            |
| 38   | Lâm Đồng           |                  |                  |                                  | 282                      |                              |
| 39   | Sơn La             |                  |                  |                                  | 252                      |                              |
| 40   | Quảng Trị          | 4                | 16               | 12                               | 214                      |                              |
| 41   | Hải Dương          | 0                | 1                | 1                                | 169                      | 1                            |
| 42   | Kon Tum            |                  |                  |                                  | 34                       |                              |
| <b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b> |                    | <b>3</b>         | <b>1</b>         | <b>-2</b>                        | <b>8.536</b>             | <b>36</b>                    |
| 1  | Bắc Giang          | 1                | 0                | -1                               | 5.857                    | 13                           |

| TT   | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 28/9 | Số mắc ngày 29/9 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 29/9 | Số tử vong tích lũy đến 29/9 |
|--|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 2  | Bắc Ninh           |                  |                  |                                  | 1.866                    | 15                           |
| 3  | Hà Tĩnh            |                  |                  |                                  | 447                      | 5                            |
| 4  | Vĩnh Phúc          |                  |                  |                                  | 234                      | 3                            |
| 5  | Lào Cai            |                  |                  |                                  | 98                       |                              |
| 6  | Phú Thọ            | 0                | 1                | 1                                | 23                       |                              |
| 7  | Quảng Ninh         | 2                | 0                | -2                               | 11                       |                              |
| <b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b> |                    |                  |                  | <b>Số ngày</b>                   | <b>772</b>               | <b>2</b>                     |
| 1  | Lạng Sơn           |                  |                  | 23                               | 212                      | 1                            |
| 2  | Ninh Bình          |                  |                  | 29                               | 80                       |                              |
| 3  | Thái Bình          |                  |                  | 23                               | 76                       |                              |
| 4  | Điện Biên          |                  |                  | 42                               | 61                       |                              |
| 5  | Nam Định           |                  |                  | 27                               | 52                       | 1                            |
| 6  | Hải Phòng          |                  |                  | 34                               | 27                       |                              |
| 7  | Hà Giang           |                  |                  | 52                               | 20                       |                              |
| 8  | Hòa Bình           |                  |                  | 60                               | 16                       |                              |
| 9  | Thái Nguyên        |                  |                  | 43                               | 15                       |                              |
| 10   | Bắc Kạn            |                  |                  | 68                               | 5                        |                              |
| 11   | Yên Bái            |                  |                  | 54                               | 3                        |                              |
| 12   | Tuyên Quang        |                  |                  | 64                               | 2                        |                              |
| 13   | Lai Châu           |                  |                  | 67                               | 1                        |                              |
|  | BVNĐ TW            |                  |                  |                                  | 96                       |                              |
|  | BV K               |                  |                  |                                  | 106                      |                              |
|  | <b>Tổng cộng</b>   | <b>8.000</b>     | <b>8.744</b>     | <b>744</b>                       | <b>778.271</b>           | <b>19.063</b>                |



## **Phụ lục 2: Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19 của một số Bộ, ngành**

### **I. Bộ Quốc phòng**

a) Toàn quân đã triển khai 190 điểm cách ly công dân nhập cảnh, trong đó có 94 điểm đang cách ly. Đến nay đã tiếp nhận, cách ly 300.955 người, đã hoàn thành cách ly 289.672 người, hiện đang cách ly 11.283 người.

b) Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 18h00 ngày 27/9/2021 đến 18h00 ngày 28/9/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.347 lượt người (nhập cảnh: 2.126, xuất cảnh: 2.221).
- + Tuyến VN-TQ: 2.681 lượt người (nhập cảnh: 1.306, xuất cảnh: 1.375).
- + Tuyến VN-Lào: 1.664 lượt người (nhập cảnh 818, xuất cảnh: 846).
- + Tuyến VN-CPC: 02 lượt người (nhập cảnh 02; xuất cảnh: 0).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 137 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu 48 người (VN-TQ: 01, VN-Lào: 42, VN-CPC: 05).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 34 người (VN-TQ: 19; VN-Lào: 0, VN-CPC: 15).
- + Số người trao trả: 55 người (VN-TQ: 55; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

### **II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ 8h00 ngày 27/9 đến 8h00 ngày 28/9/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 256 lượt người, giảm 358 người so với ngày 27/9/2021, trong đó: nhập cảnh: 143 lượt người; xuất cảnh: 113 lượt người.
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 580 lượt người, giảm 436 người so với ngày 27/9/2021, trong đó: nhập cảnh: 338 lượt người; xuất cảnh: 242 lượt người.

### **III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 29/9, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 78 tin/bài tiếng Việt; 136 ảnh trong nước và quốc tế; 35 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa đăng phát một số đồ họa về diễn biến dịch bệnh tại Việt Nam; tiến độ tiêm vaccine...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tiếp tục cập nhật thông tin về chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, đặc biệt việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nới lỏng giãn cách xã hội sau ngày 30/9, từng bước mở lại các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng từng bước, chắc chắn, an toàn, nhất là tại các điểm nóng về dịch; kiến nghị của

Bộ Y tế cùng các bộ, ngành, liên quan đến phòng, chống dịch, trong đó có những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm như giá xét nghiệm nhanh kháng nguyên; khoảng cách giữa 2 mũi tiêm vaccine Astra Zeneca, chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực để triển khai tiêm vaccine với số lượng lớn từ nay đến cuối năm 2021; diễn biến tích cực trong phòng, chống và kiểm soát dịch tại tâm điểm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam...; khẳng định vai trò quan trọng của công tác xét nghiệm trong phòng, chống dịch; nỗ lực của các địa phương trong việc hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, hỗ trợ khẩn cấp lương thực, thực phẩm cho người dân, thí điểm hệ thống tự động kiểm soát người ra, vào địa phương, tiêm vaccine cho công nhân ngoài khu công nghiệp...; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị thông tin của TTXVN tiếp tục cập nhật tình hình dịch bệnh ở khu vực và trên thế giới, đặc biệt là vấn đề vaccine, thuốc điều trị COVID-19; biện pháp khôi phục kinh tế và các hoạt động xã hội...

#### **IV. Bộ Thông tin và Truyền thông**

##### **1. Bưu chính**

Số liệu cụ thể về cung cấp hàng hóa tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội trong giai đoạn dịch Covid-19 như sau:

- Tổng số điểm cung cấp hàng hóa thiết yếu: 4.162 điểm (tại 27 tỉnh, thành) (tăng 0% so với ngày 28/9, tăng 99% so với ngày 25/7)

- Tổng khối lượng hàng hóa thiết yếu được cung cấp: 92.421 tấn (tăng 1,4% so với ngày 28/9, tăng 12.638% so với ngày 25/7)

- Tổng giá trị hàng hóa thiết yếu được cung cấp: 1.497 tỷ (tăng 1,6% so với ngày 28/9, tăng 10.968% so với ngày 25/7)

- Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển theo chỉ đạo của Chính quyền địa phương: 8.087 tấn (tăng 1,3% so với ngày 28/9, tăng 2.388% so với ngày 25/7).

##### **2. Viễn thông**

- Hệ thống kết nối camera các điểm cách ly đã kết nối được 1066 điểm tại 62 tỉnh/thành phố với 12.905 camera.

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo đề nghị người dân tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu thực hiện nghiêm các quy định về giãn cách xã hội. Đồng thời các DNVT đã triển khai nhắn tin tuyên truyền về công tác phòng chống dịch Covid 19 đến các thuê bao trên địa bàn Cần Thơ, Sóc Trăng;

- Tính đến hết 28/9, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 5.742.000 cuộc gọi. Nội dung hỏi tập trung nhiều vào vấn đề: Về chứng nhận tiêm: đã tiêm 1 hoặc 2 mũi nhưng chưa được cập nhật chứng nhận tiêm trên app SSKĐT, đã nhập phản ánh trên web nhưng chưa nhận được cập nhật lại thông tin; bị nhập sai thông tin;...

| 19/9   | 20/9   | 21/9   | 22/9   | 23/9   | 24/9   | 25/9   | 26/9   | 27/9   | 28/9   |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 152618 | 161248 | 155673 | 123190 | 114221 | 128578 | 150922 | 120583 | 191694 | 198362 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 - 28/9 đã tiếp nhận hơn 275 nghìn cuộc (ngày 28/9 đã tiếp nhận hơn 1100 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 28/9 đã thực hiện hơn 7,24 triệu cuộc gọi ra (ngày 28/9 thực hiện hơn 15 nghìn cuộc gọi ra).

| Tiêu chí     | 19/9      | 20/9      | 21/9      | 22/9      | 23/9      | 24/9      | 25/9      | 26/9      | 27/9      | 28/9      |
|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Cuộc gọi đến | 1826      | 1500      | 1335      | 1216      | 1205      | 1184      | 1145      | 1216      | 1125      | 1155      |
| Cuộc gọi ra  | 2835<br>2 | 2347<br>3 | 2102<br>4 | 2243<br>3 | 2031<br>5 | 2067<br>3 | 2005<br>7 | 1986<br>9 | 1568<br>8 | 1573<br>6 |

- Các DNVT đang tiếp tục triển khai gói hỗ trợ dịch vụ viễn thông (với tổng giá trị lên tới gần 10.000 tỷ đồng, được triển khai từ ngày 5/8/2021 và kéo dài trong 3 tháng), bao gồm: Miễn phí truy nhập tốc độ cao đến các trang thông tin điện tử của Bộ Y Tế, ứng dụng Bluezone; tăng gấp đôi băng thông cố định, 50% dung lượng data di động với giá không đổi; giảm giá 50% đối với các gói cước data VX3, VX7; tặng 50 phút gọi nội mạng đối với khách hàng ở các địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16/CT-TTg; triển khai các nền tảng hỗ trợ người dân trong công tác phòng, chống dịch;

- Trên cơ sở Kế hoạch số 3667/KH-BTTTT-BGDĐT ngày 21/9/2021 về việc phối hợp thực hiện Chương trình giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản 3756/BTTTT-CNTT ngày 27/9 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tham gia sản xuất và cung cấp máy tính bảng cho Chương trình “Sóng và máy tính cho em” và một số yêu cầu về tiêu chí kỹ thuật cơ bản đối với các thiết bị, ngày 28/9 Bộ TTTT (Cục VT) đã có văn bản số 3801/CVT-KT gửi các doanh nghiệp trong ngành TT&TT thông báo đầu môi tiếp nhận ủng hộ Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

Các DNVT tiếp tục tổ chức rà soát, thống kê, thông báo chỉ số di chuyển hàng ngày của các thuê bao di động tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội.

3. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

3.1. Triển khai ứng dụng Bluezone:

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài Bluezone: 23,15 triệu (+89 ngàn so với 28/9, tăng 7.520 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 24,04% dân số, 34,59% số điện thoại thông minh.

- 05 địa phương có tỷ lệ cài Bluezone cao nhất:

+ Bình Dương: 1.182.074 (+4.982) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 48,71% (+0.21%) dân số, 40,25% (+0.17%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Bắc Ninh: 664.167 (+307) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 48,52% (+0.02%) dân số, 56,07% (+0.05%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Quảng Ninh: 607.025 (+657) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 45,98% (+0.05%) dân số, 54,31% (+0.06%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Hà Nội: 3.470.151 (+11.842) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 43,09% (+0.15%) dân số, 50,70% (+0.17%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Bà Rịa- Vũng Tàu: 491.759 (+628) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 42,82% (+0.05%) dân số, 45,94% (+0.06%) thuê bao điện thoại thông minh.

- 05 địa phương có tỷ lệ cài Bluezone thấp nhất:

+ Hà Giang: 105.747 (+57) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 12,37% (=) dân số, 25,67% (+0.01%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Trà Vinh: 126.366 (+41) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 12,52% (=) dân số, 22,87% (+0.01%) thuê bao điện thoại thông minh..

+ Bạc Liêu: 114.747 (+103) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 12,65% (+0.01%) dân số, 25,38% (+0.03%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Điện Biên: 78.458 (+50) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 13,10% (+0.01%) dân số, 24,82% (+0.02%) thuê bao điện thoại thông minh.

+ Sóc Trăng: 163.636 (+266) điện thoại thông minh cài Bluezone, chiếm 13,64% (+0.02%) dân số, 25,33% (+0.04%) thuê bao điện thoại thông minh.

- Số liệu các địa phương (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

### 3.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 1.734.154 (+27.699) điểm đăng ký

+ 169.990 (+11.847) điểm ghi nhận hoạt động.

### 3.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 41.290.046 (+1.078.604)

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 40.179.502 (+387.292)

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 97,31%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 17.204.578 (+393.523)

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

### 3.4. Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 4.402.892 ( tăng 55.348 mẫu)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 55.348

- + Bắc Giang: 5.992 mẫu
  - + Đồng Tháp: 23.874 mẫu
  - + Sóc Trăng: 8.979 mẫu
  - + Tây Ninh: 1.562 mẫu
  - + Thừa Thiên Huế: 6.005 mẫu
  - + Bình Phước: 1.608 mẫu
  - + Bình Dương: 585 mẫu
  - + Vĩnh Long: 1.341 mẫu
  - + Khánh Hòa: 459 mẫu
  - + Phú Yên: 23 mẫu
  - + Bình Định: 18 mẫu
  - + Hà Nam: 4.085 mẫu
  - + Kon Tum: 13 mẫu
  - + Quảng Bình: 515 mẫu
  - + Hà Nội: 289 mẫu
  - Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone của các tỉnh 1.330.032 ( tăng 49.548 mẫu)
    - + TP.HCM: 12.312 mẫu
    - + Quảng Ninh: 1.937 mẫu
    - + Bình Dương: 187 mẫu
    - + Hải Dương: 1.390 mẫu
    - + Bãi Cháy: 343 mẫu
    - + Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh: 275 mẫu
    - + Đồng Tháp: 22.504 mẫu
    - + Trung tâm y tế Thanh Thủy – Phú Thọ: 228 mẫu
    - + Thừa Thiên Huế: 495 mẫu
    - + Bình Thuận: 484 mẫu
    - + Phú Thọ: 402 mẫu
    - + Bắc Giang: 3.755 mẫu
    - + Khánh Hòa: 180 mẫu
    - + Bình Định: 806 mẫu
    - + Bệnh viện Quy Hòa: 373 mẫu
    - + Phòng khám đa khoa An Phúc – Trà Vinh: 48 mẫu
    - + Hà Nam: 4.016 mẫu
4. Báo chí, truyền thông
- (1) Tin, bài về COVID-19 chiếm 21%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử (6.750).
- Cụ thể:
- + Nhóm thông tin về Hướng dẫn kỹ năng an toàn phòng, chống dịch: 28,3%.
  - + Nhóm thông tin về các giải pháp “mục tiêu kép” ổn định tình hình kinh tế và sản xuất kinh doanh an toàn: 32%.

- + Nhóm thông tin về Ứng dụng công nghệ: 14,6%.
- + Nhóm thông tin về Chiến lược Vắc-xin: 11%.
- + Tỷ lệ tin, bài tiêu cực, gây hoang mang duy trì dưới 5,18%.

(2) Các cơ quan báo chí có nhiều tin, bài: Thanh niên, Lao động, Zing News, Dân trí, VietnamPlus...

(3) Công tác phát hiện, chặn gỡ thông tin xấu độc, sai sự thật liên quan đến dịch Covid-19. Đã gỡ 141 links về Covid-19, trong đó:

- FB: 51 bài viết (đáp ứng 97%)
- Youtube : 50 videos (đáp ứng 96%)
- Tiktok xử lý: 40 videos theo yêu cầu của Bộ (đáp ứng 91%)